

Bản án số:130/2025/DS-ST

Ngày: 15- 9-2025

V/v: “*Tranh chấp
hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phan Thị Thanh Dung**.

2. Ông **Dương Minh Ngọc**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Phương Trang** – **Thẩm tra viên** Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Nguyễn Trần Anh Vân** – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại Phòng xét xử Toà án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng (cơ sở 2) tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2025/TLST-DS ngày 18/02/2025 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2025/QĐXXST - DS ngày 13 tháng 8 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/QĐST-DS ngày 29/8/2025, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S, địa chỉ trụ sở chính: Phường X, thành phố H. Đại diện theo uỷ quyền: Công ty QLN. Địa chỉ liên hệ: Phường X, thành phố H. Đại diện theo pháp luật: Ông LNT, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông NMT, sinh năm: 1973, địa chỉ: đường số 8, phường T, thành phố H.

2/ Bị đơn: Ông TMP, sinh năm: 1980, địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố Đ.

Nguyên đơn xin vắng mặt; bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và bản tự khai ngày 29/8/2025, đại diện nguyên đơn ông NMT trình bày:

Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông TMP có giao kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng số 512341-9255 với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,6%/tháng. Quá trình sử

dùng thẻ ông TMP đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 24.500.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng nhiều lượt với tổng số tiền 15.990.000 đồng. Do ông TMP không thực hiện đúng cam kết trả nợ nên ngày 23/11/2021, Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển nợ còn thiếu 27.457.479 đồng, gồm nợ gốc và nợ các khoản phí còn lại sang nợ quá hạn với lãi suất 3.9%/ tháng tính đến thời điểm 29/8/2025 tương đương số tiền 49.180.020 đồng, Ngân hàng yêu cầu ông TMP có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền trên cho Ngân hàng và tiếp tục trả lãi phát sinh tiếp theo hợp đồng tín dụng được giao kết giữa hai bên. Ngoài ra đại diện Ngân hàng có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết xét xử vụ án do bận công tác, đề nghị không tiến hành hoà giải đối với vụ án.

Bị đơn ông TMP trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà: Ông TMP thống nhất ông có mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP S, hạn mức 25.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân theo thoả thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được giao kết giữa hai bên. Ông thực hiện giao dịch số tiền 24.500.000 đồng và trả được số tiền như phía ngân hàng trình bày. Ông thống nhất có nợ ngân hàng số nợ gốc 27.457.479 đồng và nợ lãi tính đến thời điểm 29/8/2025 tương đương số tiền 49.180.020 đồng, và lãi phát sinh tiếp theo thoả thuận tại hợp đồng vay. Tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nuôi con nhỏ nên đề nghị Ngân hàng xem xét cho ông trả nợ gốc, miễn hoàn toàn nợ lãi cho ông.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông TMP phải trả cho nguyên đơn nợ gốc 27.457.479 đồng, nợ lãi tính đến ngày 29/8/2025 là 49.180.020 đồng. Tổng số tiền ông TMP phải trả cho ngân hàng TMCP Sài Gòn – Thương Tín là 76.637.499 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 30/8/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Do phía nguyên đơn không có mặt tại phiên toà, không có ý kiến gì đối với đề nghị của ông TMP về việc chỉ trả nợ gốc, còn miễn nợ lãi nên không có cơ sở để xem xét. Ông TMP phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là tổ chức tín dụng đã nộp đơn và các chứng cứ theo quy định, khởi kiện ông TMP, địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Đ yêu cầu trả tiền vay và lãi vay phát sinh theo hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng.

[2] Về tố tụng: Đại diện nguyên đơn ông NMT có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên phiên tòa xét xử vụ án vẫn được tiến hành vắng mặt ông NMT theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Các bên đương sự thừa nhận giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Thương Tín và ông TMP có giao kết hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 22/7/2019, số thẻ 512341-9255 với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng; mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,6%/tháng. Quá trình sử dụng thẻ ông TMP đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 24.500.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 15.990.000 đồng (do thứ tự thanh toán theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng, gồm: các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước; giao dịch rút tiền mặt kỳ trước; giao dịch mua hàng hoá của kỳ trước; giao dịch mua hàng hoá của kỳ này; các khoản phí và hoặc lãi trong kỳ, nên số tiền này chưa đủ để thanh toán tiền nợ gốc phát sinh). Tính đến ngày 29/8/2025, ông TMP còn nợ ngân hàng số nợ gốc 27.457.479 đồng (bao gồm nợ phát sinh từ giao dịch: 24.500.000 đồng và các khoản phí trễ hạn; phí vượt hạn mức; phí khác còn lại) và nợ lãi 49.180.020 đồng, và lãi phát sinh tiếp theo thoả thuận tại hợp đồng vay. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc ông TMP không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được thoả thuận giữa hai bên cũng như Điều 466 Bộ luật dân sự. Việc Ngân hàng yêu cầu ông TMP phải trả số nợ gốc 27.457.479 đồng, nợ lãi tính đến ngày 29/8/2025 là 49.180.020 đồng, tổng 76.637.499 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 30/8/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nuôi con nhỏ nên ông TMP đề nghị Ngân hàng xem xét cho ông trả dần nợ gốc, còn nợ lãi thì giảm bớt cho ông và tạo điều kiện cho ông trả dần. Tuy nhiên đại diện Ngân hàng vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến thống nhất về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông TMP phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 90, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017 (Điều 99, Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024); Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” với ông TMP.

1/ Buộc ông TMP phải trả cho Ngân hàng TMCP S số nợ gốc 27.457.479 *(hai mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi chín)* đồng, nợ lãi tính đến ngày 29/8/2025 là 49.180.020 *(bốn mươi chín triệu một trăm tám mươi nghìn không trăm hai mươi)* đồng. Tổng số tiền ông TMP phải trả cho ngân hàng TMCP S là 76.637.499 đồng.

Kể từ ngày 30/8/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) được giao kết giữa ông TMP và Ngân hàng TMCP S cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm 3.831.000 *(ba triệu tám trăm ba mươi một nghìn)* đồng ông TMP phải nộp.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 1.311.800 *(một triệu ba trăm mười một nghìn tám trăm)* đồng theo biên lai thu số 0001913 ngày 04/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các **Điều 6, Điều 7 và Điều 9** Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND KV5-Đà Nẵng;
- THA thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Xuân Thuỳ